

31/05/2024

KHUYẾN NGHỊ **NĂM GIỮ**

Giá hợp lý	82,900 VND
Giá hiện tại	80,100 VND
Tiềm năng tăng/giảm	3%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	2,296.7
Free float (triệu)	115
Vốn hóa (tỷ VND)	184,428.2
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	1.3 triệu
Sở hữu nước ngoài (%)	2.8%
Ngày niêm yết đầu tiên	21/05/2012

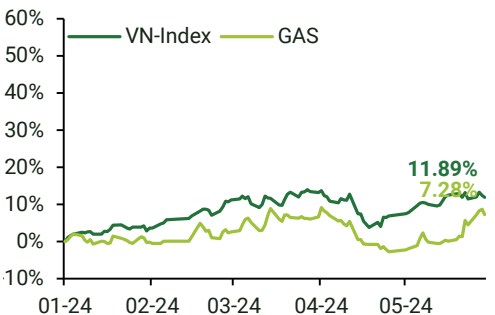
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

PetroVietnam	96.2%
Khác	3.8%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	4,688.1
BVPS (VND)	40,080.5
Nợ/VCSH (%)	8%
ROA (%)	12.2%
ROE (%)	16.7%
P/E	17.3
P/B	2.8
Tỷ suất cổ tức (%)	3.7%

SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS) là nhà cung cấp khí khô duy nhất tại Việt Nam, và chiếm phần lớn doanh số bán LPG cũng như Condensate tại thị trường trong nước. Công ty giữ vị thế độc quyền tại thị trường Việt Nam với hệ thống cơ sở hạ tầng khí hoàn chỉnh, bao gồm hệ thống thu gom khí tại nguồn, đường ống phân phối và vận chuyển, hệ thống lưu trữ và nhà máy xử lý khí...

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thiện Nhân
 nhannguyen@phs.vn

Kinh doanh LNG sẽ là trọng tâm trong thời gian tới

- Trong 5 tháng đầu năm 2024, GAS đạt doanh thu thuần và LNTT là 41.5 nghìn tỷ đồng và 5.2 nghìn tỷ đồng, thông qua việc tiêu thụ 3 tỷ m3 khí khô và hơn 1.2 triệu tấn LPG.
- Tại đại hội, GAS cho biết kế hoạch và quyết tâm triển khai kinh doanh LNG, nhân tố sẽ giúp công ty phát triển bền vững trong tương lai.
- Đại hội cũng thông qua kế hoạch chia cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 60% trên vốn điều lệ (6,000 đồng/cổ phiếu).
- Cổ phiếu GAS đã tăng hơn 10% chỉ trong tháng 5, hiện đang giao dịch tại mức P/E là 17.2. Chúng tôi hạ khuyến nghị đối với GAS xuống **NĂM GIỮ** (từ MUA) với tiềm năng tăng giá 3%.

Kế hoạch kinh doanh

ĐHCĐ đã thông qua KQKD cho năm 2024 trên cơ sở các giả định: Giá dầu thô Brent trung bình trong năm 2024 đạt 70 USD/thùng, Sản lượng tiêu thụ khí khô rơi xuống mức 6.3 tỷ m3, giảm gần 14% so với năm 2023, khi công ty cho rằng sức tiêu thụ từ nhóm Khách hàng điện thiếu sự ổn định (gặp phải sự cạnh tranh lớn từ điện than và điện tái tạo,...), nhóm Khách hàng công nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn do các yếu tố bên ngoài và khả năng cấp khí của các mỏ hiện hữu bị suy giảm, bên cạnh đó sản lượng tiêu thụ đặt ra đối với LPG và Condensate cũng giảm lần lượt 25% và 11% so với 2023, về mức 1,854 tấn và 76.4 tấn. Từ đó, doanh thu hợp nhất dự kiến đạt 70,176 tỷ đồng (-22% YoY) và LNST ước đạt 5,798 tỷ đồng, đi lùi 51% so với năm 2023.

Chúng tôi cho rằng kế hoạch này là thận trọng khi giá dầu thô Brent có xu hướng duy trì trên 80 USD/thùng, mức giá này được hỗ trợ bởi mùa du lịch sắp đến ở Hoa Kỳ và quyết tâm giữ giá dầu ở mức cao của OPEC+. Với giả định mức tiêu thụ khí khô trong năm nay (đã bao gồm LNG) giảm nhẹ 4% so với 2023 và tiêu thụ LPG tiếp tục duy trì tăng trưởng đi ngang, PHS dự báo Doanh thu thuần sẽ đi ngang và đạt 90,071 tỷ đồng, trong khi LNST giảm nhẹ 5% xuống còn 11,115 tỷ đồng. Biên LN gộp và Biên LN ròng sẽ lần lượt đạt mốc 18% và 12%, giảm so với năm 2023.

Thực tế, trong 5M/2024, GAS cho biết đã đạt doanh thu và LNTT lần lượt là 41.5 nghìn tỷ đồng và 5.2 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 46% so với số dự báo của PHS.

Đẩy mạnh tiêu thụ LNG khi nguồn cung khí nội địa suy giảm

Tại Đại hội, ban lãnh đạo PVGas cho biết trong 5 tháng đầu năm 2024, công ty nhập 320 triệu m3 LNG, với giá trị khoảng 3,500 tỷ đồng. Lượng LNG chủ yếu được cung cấp đến Khách hàng công nghiệp và cho nhà máy điện Phú Mỹ 3, và tương lai là nhà máy điện Phú Mỹ 2.2 (qua đường ống Thị Vải – Phú Mỹ).

Trong tương lai gần, GAS sẽ tập trung cung cấp LNG cho 2 nhà máy điện LNG mới là Nhơn Trạch 3 và 4 với tổng công suất 1,500MW, dự kiến sẽ hoàn thành và chạy thử trong Q4/2024. Công ty cũng cho biết đang thương lượng hợp đồng mua LNG dài hạn để đáp ứng 35% sản lượng cho 2 nhà máy điện này.

Ngoài ra, xa hơn, công ty cũng xác định tập trung nguồn lực để triển khai các dự án mở rộng công suất đáp ứng LNG, điển hình là dự án nâng cấp LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm, LNG Sơn Mỹ và các dự án LNG khác ở miền bắc.

Chúng tôi cho rằng hướng đi này là triển vọng dài hạn của GAS cũng như ngành khí Việt Nam trong bối cảnh nguồn cung từ các mỏ khí ngoài khơi đã bước vào giai đoạn suy giảm nghiêm trọng.

Kế hoạch phân phối lợi nhuận và phát hành thêm cổ phiếu

Trong năm 2024, công ty sẽ tiến hành chia cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 60% vốn điều lệ (6,000 đồng/cổ phiếu).

GAS cho biết sẽ phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ 50:1 từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 23,426.7 tỷ đồng.

Điểm nhấn đầu tư

(1) **GAS đang phát triển cơ sở hạ tầng nhập khẩu và phân phối LNG** để đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng tăng, đặc biệt là đối với nhiệt điện khí. Tổ hợp LNG đầu tiên, LNG Thị Vải, đã hoạt động và dự kiến sẽ tạo ra 5,000 tỷ đồng Doanh thu thuần từ 600 triệu mét khối LNG bán ra trong năm nay.

(2) **Ngoài ra, GAS cũng đang tham gia vào nhiều dự án ngoài khơi quan trọng**, đặc biệt là Lô B - Ô Môn, dự án này hứa hẹn sẽ mang lại cho công ty sự tăng trưởng lớn về sản lượng và thu nhập sau khi hoàn thành vào năm 2026F, từ đó củng cố tăng trưởng dài hạn cho công ty.

Định giá & khuyến nghị

Sử dụng phương pháp DCF và P/E, chúng tôi ước tính giá trị hợp lý là 82,900 VND/cổ phiếu. Do đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** với mức tăng giá tiềm năng là 3%. Định giá này không bao gồm các dự án Cá Voi Xanh và LNG Sơn Mỹ GD2 do sự không chắc chắn, điều kiện không thuận lợi và thiếu thông tin cần thiết trong giai đoạn định giá.

Chỉ số tài chính	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Tiêu thụ khí khô (triệu m ³)	7,153	7,900	7,301	7,152	7,913
Tiêu thụ LPG (tấn)	1,982	2,041	2,460	2,500	2,625
Doanh thu thuần (tỷ VND)	78,992	100,724	89,954	90,071	91,138
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	13,986	21,315	16,925	16,053	15,703
LNST (tỷ VND)	8,852	15,066	11,793	11,155	10,661
Biên LN ròng (%)	11.2%	15.0%	13.1%	12.4%	11.7%
Giá trị sổ sách (VND/cp)	27,270	31,962	28,431	26,524	28,198
Cổ tức (VND/cp)	3,000	3,000	3,600	6,000	3,000

(Nguồn: GAS, PHS ước tính và tổng hợp)

LNG Thị Vải đã đi vào hoạt động và là nhân tố tất yếu để đảm bảo an ninh năng lượng

Việt Nam từ lâu đã lên kế hoạch nhập khẩu LNG và coi đây là giải pháp để giảm lượng khí thải carbon cũng như đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia về lâu dài khi trữ lượng khí đốt quốc gia đang trên bờ vực suy giảm nhanh chóng.

Và kể từ tháng 7/2023, GAS đã hiện thực hóa kế hoạch này bằng việc bắt đầu triển khai LNG tại Việt Nam thông qua chuyến hàng đầu tiên do Shell giao sau khi giá LNG giảm xuống mức thuận lợi, dưới 11 USD/mmBTU, nhờ đó GAS (nhà phân phối), theo ước tính của chúng tôi, có thể thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh này. Ban đầu, LNG sẽ được tái hóa khí và sau đó vận chuyển đến các nhà máy điện chạy khí hiện tại thông qua hệ thống đường ống (như đường ống Thị Vải – Phú Mỹ,...) và các khách hàng công nghiệp. Trong tầm nhìn dài hơn, LNG Thị Vải được xác định sẽ cung cấp đầu vào 2 nhà máy điện chạy bằng LNG là Nhơn Trạch 3 và 4 (1500MW) đang được triển khai xây dựng (có thể từ tháng 9/2024)

Hình 1 Giá JKM LNG Platts Future



Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Chúng tôi kỳ vọng mảng LNG sẽ mang lại doanh thu 5,000 tỷ đồng cho GAS trong năm 2024 và sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu doanh thu của công ty những năm tới (lên tới 20% vào năm 2026).

Lô B – Ô Môn là dự án trọng điểm và là động lực chính cho sự phát triển lâu dài

Lô B – Ô Môn là chất xúc tác quan trọng nhất cho ngành năng lượng quốc gia và đang được đẩy nhanh tiến độ từ thượng nguồn đến hạ nguồn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ sau một thời gian dài bị trì hoãn do vướng mắc pháp lý và tranh chấp giữa các đối tác của dự án, đặc biệt là biệt giữa thượng nguồn và hạ nguồn. Tín hiệu tích cực là thỏa thuận khung mua bán khí cho Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn II và Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Vừa qua, dự án Lô B đã được đẩy nhanh tiến độ thông qua việc trao gói thầu EPCI#1 và EPCI#2 cho PVS và các đối tác để triển khai các bước chuẩn bị ban đầu đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chào đón dòng khí đầu tiên vào năm 2026.

Hình 2 Kế hoạch và tiến độ của dự án Lô B – Ô Môn

Kế hoạch và tiến độ của dự án	2012	2014	2016	2018	2020	2022	2024	2026
Thượng nguồn • Khởi động, thu xếp pháp lý và vốn, nhận Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) • Đấu thầu và triển khai EPCI • Bắt đầu đón dòng khí và sản xuất khí								
Trung nguồn • Đấu thầu và triển khai EPCI • Vận chuyển và xử lý khí								
Hạ nguồn Nhà máy điện Ô Môn I • Khởi động và triển khai EPC • Đi vào hoạt động và chạy bằng dầu nhiên liệu (FO) • Chuyển sang chạy bằng khí (từ Lô B)								
Hạ nguồn Nhà máy điện Ô Môn II • Đấu thầu và triển khai EPC • Đi vào hoạt động								
Hạ nguồn Nhà máy điện Ô Môn IV • Đấu thầu và triển khai EPC • Đi vào hoạt động Nhà máy điện Ô Môn III • Đấu thầu và triển khai EPC								

Nguồn: PHS tổng hợp

Đáng chú ý, toàn bộ khâu trung nguồn của dự án sẽ do GAS đảm nhiệm, chịu trách nhiệm phát triển và vận hành mạng lưới đường ống dài 264 km ngoài khơi và 152 km trên bờ để vận chuyển khí khô đến Tổ hợp điện khí Ô Môn (tổng công suất hơn 4,000MW) đặt tại Cần Thơ. Tổng Chi phí vốn (đầu tư) cho các cơ sở hạ tầng này vào khoảng 1.2 tỷ USD và GAS dự kiến sẽ chi tới 0.61 tỷ USD để triển khai dự án (tương đương với 51% tỷ lệ lợi ích của GAS).

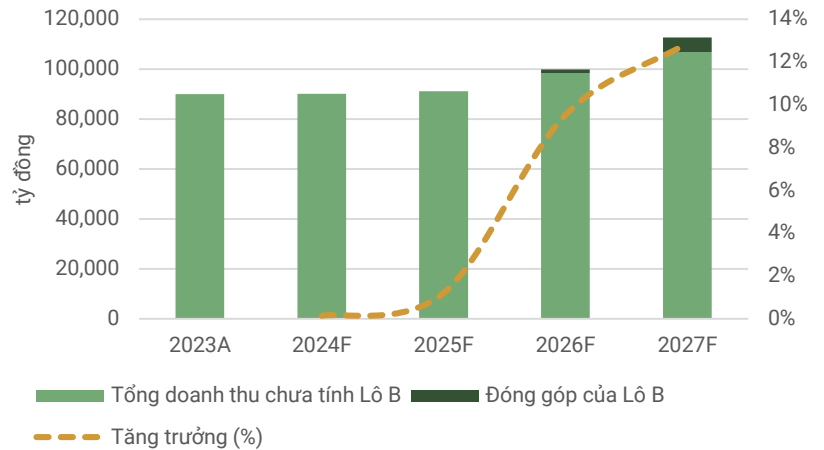
Hình 3 Thông tin chi tiết về dự án Lô B – Ô Môn

Khâu	Thành phần	Công suất	Các bên tham gia tiềm năng
Thượng nguồn Lô chính: 6.8 tỷ USD Các lô còn lại: 2 tỷ USD	Giàn xử lý trung tâm Giàn đầu giếng FSO, ...	Có gần 4tcf trữ lượng khí có thể thu hồi Có thể sản xuất 5bcm mỗi năm ở công suất cao nhất	PVS, PVD, PVC và các nhà thầu nước ngoài khác,...
Trung nguồn 1.2 tỷ USD	Đường ống dẫn: Ngoài khơi 264.4 km Trên bờ 152.4 km Trạm phân phối khí,...	N/A	GAS, PVE, PVB, PVS
Hạ nguồn	Nhà máy điện khí: Ô Môn I, Ô Môn II, Ô Môn III, Ô Môn IV	Tổng công suất điện đầu ra: 3,810MW	Marubeni và các nhà thầu khác,...

Nguồn: Fitch Solutions, PHS tổng hợp

Dự án Lô B, dự kiến hoàn thành vào năm 2026, sẽ trở thành động lực tăng trưởng quan trọng cho các doanh nghiệp trong ngành dầu khí Việt Nam, đặc biệt là các công ty chủ chốt như GAS. Điều này đặc biệt phù hợp khi Việt Nam đặt mục tiêu cắt giảm mạnh năng lượng than để tiến gần hơn đến mục tiêu không carbon vào năm 2050. Theo đó, chúng tôi ước tính Lô B sẽ đóng góp lần lượt 3% và 9% vào tổng doanh thu vào năm 2026F và 2027F, đồng thời củng cố cho sự phát triển bền vững của công ty sau đó.

Hình 4 Sự xuất hiện của Lô B sẽ là động lực tăng trưởng chính của GAS trong tương lai



Nguồn: PHS dự báo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2020A	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh thu thuần	64,135	78,992	100,724	89,954	90,071	91,138
Giá vốn hàng bán	(52,729)	(65,007)	(79,409)	(73,029)	(74,019)	(75,436)
Lợi nhuận gộp	11,406	13,986	21,315	16,925	16,053	15,703
Chi phí bán hàng	(1,943)	(2,133)	(2,440)	(2,544)	(2,553)	(2,518)
Chi phí QLDN	(769)	(1,479)	(1,075)	(1,475)	(1,251)	(1,306)
Lợi nhuận từ HĐKD	8,694	10,374	17,799	12,906	12,248	11,878
Lợi nhuận tài chính	1,451	1,187	1,568	2,273	2,153	1,874
Chi phí lãi vay	(101)	(304)	(337)	(340)	(289)	(270)
Lợi nhuận trước thuế	9,978	11,205	18,806	14,640	13,943	13,326
Lợi nhuận sau thuế	7,972	8,852	15,066	11,793	11,155	10,661
LNST của cổ đông Công ty mẹ	7,855	8,673	14,798	11,606	10,967	10,455
Cân đối kế toán	2020A	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Tài Sản Ngắn Hạn	39,472	51,395	55,652	62,218	58,106	54,407
Tiền và tương đương tiền	5,237	5,300	10,549	5,669	5,833	4,919
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21,613	24,800	23,726	35,085	32,766	28,680
Phải thu ngắn hạn	5,580	10,598	9,210	12,541	9,268	10,115
Hàng tồn kho	1,663	3,241	4,102	3,945	3,462	3,815
Tài sản ngắn hạn khác	5,379	7,455	8,063	4,978	6,778	6,878
Tài Sản Dài Hạn	23,736	27,373	27,011	25,537	23,898	32,663
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	19,774	18,098	16,370	19,532	16,988	14,660
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	2,303	4,871	5,978	1,781	2,892	14,001
Đầu tư tài chính dài hạn	379	400	406	398	396	400
Tài sản dài hạn khác	1,280	4,004	4,258	3,826	3,622	3,602
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng tài sản	63,208	78,768	82,663	87,754	82,004	87,070
Nợ phải trả	13,709	26,575	21,489	22,456	19,867	21,012
Nợ ngắn hạn	9,749	16,561	12,488	14,972	13,703	14,608
Nợ dài hạn	3,960	10,014	9,001	7,484	6,164	6,404
Vốn chủ sở hữu	49,500	52,193	61,174	65,299	62,136	66,058
Vốn góp	19,140	19,140	19,140	22,967	23,427	23,427
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,064	1,098	1,316	1,250	1,270	1,316
Tổng nguồn vốn	63,208	78,768	82,663	87,754	82,004	87,070

Lưu chuyển tiền tệ	2020A	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	7,330	7,595	12,792	13,827	14,252	12,975
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	99	(6,755)	265	(11,249)	765	(7,463)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(6,668)	(774)	(7,809)	(7,463)	(14,853)	(6,425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	761	65	5,248	(4,885)	164	(914)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4,476	5,237	5,300	10,549	5,669	5,833
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5,237	5,300	10,549	5,669	5,833	4,919
Chỉ số tài chính	2020A	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Tăng trưởng						
Doanh thu	-14.49%	23.17%	27.51%	-10.69%	0.13%	1.18%
Lợi nhuận sau thuế	-34.04%	11.04%	70.21%	-21.73%	-5.41%	-4.43%
Tổng tài sản	1.66%	24.62%	4.94%	6.16%	-6.55%	6.18%
Tổng vốn chủ sở hữu	-0.23%	5.44%	17.21%	6.74%	-4.84%	6.31%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	17.78%	17.71%	21.16%	18.82%	17.82%	17.23%
Tỷ suất EBIT	13.56%	13.13%	17.67%	14.35%	13.60%	13.03%
Tỷ suất EBITDA	17.54%	17.02%	20.67%	17.71%	16.92%	16.07%
Tỷ suất lãi ròng	12.43%	11.21%	14.96%	13.11%	12.38%	11.70%
ROA	12.61%	11.24%	18.23%	13.44%	13.60%	12.24%
ROE	16.10%	16.96%	24.63%	18.06%	17.95%	16.14%
Hiệu quả hoạt động						
Số ngày phải thu	32	49	33	51	38	41
Số ngày tồn kho	12	18	19	20	17	18
Số ngày phải trả	19	37	31	36	27	30
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	4.05	3.10	4.46	4.16	4.24	3.72
Tỷ suất thanh toán nhanh	3.37	2.48	3.50	3.58	3.52	3.01
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.22	0.34	0.26	0.26	0.24	0.24
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.06	0.15	0.10	0.09	0.08	0.08
Vay ngắn hạn/VCSH	0.02	0.01	0.00	0.02	0.03	0.03
Vay dài hạn/VCSH	0.04	0.14	0.10	0.07	0.05	0.05

(Nguồn: PHS tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Thiện Nhân, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung

Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,

458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,

Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,

107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú,

Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận

Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,

Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801